

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHÚ MỸ  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:36/2020/DS-ST  
Ngày 26-11-2020  
V/v “T/C hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Văn Thị Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Bá Thịnh  
2. Bà Phạm Thị Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa:** Ông Mai Văn Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2020/DS-ST ngày 15/01/2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-DS ngày 21/10/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2020/QĐST – DS ngày 04/11/2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số A, đường B, phường C, quận P, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1975; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thùy Vi V, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Võ T, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số A, đường B, phường C, quận P, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1975; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ( Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Năm 2017, giữa bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thùy Vi V có hợp đồng thi công công trình xây dựng dãy phòng trọ tại phường Mỹ Xuân, giá trị

công trình là 1.300.000.000đ, bà Đ đưa trước cho bà V 500.000.000đ. Số tiền 500.000.000đ bà Đ trả cho bà V bằng cách vay tiền từ Ngân hàng TMCP Quân Đội thế chấp bằng chính quyền sử dụng đất tại nơi xây 21 phòng trọ và chuyển khoản trực tiếp qua tài khoản của bà V. Còn nợ lại số tiền 800.000.000đ.

Cũng năm 2017, bà V đã làm thủ tục cho bà Đ đã trả 500.000.000đ cho Ngân hàng TMCP Quân Đội và rút tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất từ ngân hàng TMCP Quân Đội về, chuyển sang vay của ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, thế chấp bằng chính quyền sử dụng đất tại nơi xây 21 phòng trọ vừa rút ra từ Ngân hàng TMCP Quân Đội. Số tiền vay là 1.300.000.000 và bà Đ đã chuyển khoản trực tiếp qua tài khoản của bà V 1.300.000.000đ (Trong đó 800.000.000đ là trả tiền còn nợ lại của công trình xây dựng 21 phòng trọ, 500.000.000đ là tiền bà V đã trả tiền vay từ ngân hàng TMCP Quân đội. Trong quá trình thi công thì phát sinh thêm 200.000.000đ.

Năm 2018, bà V có năn nỉ bà Đ cho bà V vay thêm 1.100.000.000đ. Vì thế bà Đ đã làm thủ tục vay của ngân hàng TMCP Bản Việt chi nhánh tại thành phố Vũng Tàu, tài sản thế chấp là nhà và đất tại đường Lê Quý Đôn, thành phố Vũng Tàu của bà Đ để vay số tiền 1.500.000.000đ. Bà Đ lấy 200.000.000đ, còn lại 1.300.000.000đ bà V vay lại của bà Đ 1.100.000.000đ, 200.000.000 triệu là bà Đ trả tiền phát sinh thêm khi thi công công trình 21 phòng trọ. Số tiền 1.100.000.000đ này bà Đ không lấy lãi của bà V mà cuối tháng đóng lãi cho ngân hàng, phần 1.100.000.000 của bà V sẽ trả lãi, phần 400.000.000đ bà Đ trả lãi. Bà V có hứa khi nào bà V vay được tiền ngân hàng thì bà V sẽ trả cho bà Đ số tiền gốc 1.100.000.000đ

Quá trình vay bà Đ thấy bà V đã không giữ đúng lời hứa, cố tình không trả nợ cho bà Đ, nên bà Đ đã yêu cầu bà V viết tờ giấy mượn tiền viết tay để đảm bảo cho khoản vay. Từ thời điểm vay đến nay bà V có tháng thì trả lãi cho ngân hàng, có tháng thì không, bà Đ đã phải trả lãi cho Ngân hàng, vì bà Đ là người vay.

Nay bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V phải trả cho bà Đ số tiền gốc là 1.100.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất quy định của ngân hàng từ thời điểm bà V vi phạm nghĩa vụ trả lãi là 28/12/2019 cho đến khi vụ án được giải quyết xong.

#### ***Quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thùy Vi V trình bày:***

Năm 2018, bà V và bà Đ có hợp đồng thi công công trình phòng trọ tại dãy 21 phòng trọ phường Mỹ Xuân, giá trị công trình là 2.700.000.000đ, bà Đ thanh toán đợt đầu 1.300.000.000đ bằng cách chuyển khoản 1.300.000.000đ qua ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt, đợt 2 bà Đ chuyển khoản 1.000.000.000đ qua ngân hàng TMCP Bản Việt. Sau khi nghiệm thu công trình bà Đ còn nợ 400.000.000đ

Bà V xác định bản hợp đồng đầu tiên ký từ 06/9/2017. Nhưng thời điểm đó do nước bị ngập, hàng rào nhà hàng xóm bị sập nên không khởi công xây dựng được và tại thời điểm đó có thỏa thuận xây đơn giản, không có gác, không có băng thiết kế. Vì thế đến ngày 15/3/2018 hai bên mới ký lại hợp

đồng kinh tế, và thỏa thuận lại xây có gác, có bảng thiết kế. Vì do bà V không nhớ và không biết phải hủy hợp đồng cũ nên đã không hủy hợp đồng cũ. Bà V đề nghị Tòa án xem xét thẩm định để biết giá trị thực tế của dãy 21 phòng trọ.

Về giấy nợ ngày 10/7/2019, Bà Đ đã than với bà V, vì bà Đ vay của ngân hàng nhiều quá, không có khả năng thanh toán, chồng bà Đ la mắng đánh đập bà Đ, vì vậy bà Đ có nhờ bà V ghi tờ giấy mượn tiền ngày 10/7/2019 này để bà Đ về đưa cho chồng bà Đ xem, mục đích là để chồng bà Đ không la mắng, đánh đập bà Đ. thực tế bà V không vay tiền của bà Đ.

**Đại diện theo ủy quyền của ông Võ T người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:** Ông Võ T thống nhất và đồng ý kiến với bà Nguyễn Thị Đ

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ phát biểu quan điểm:*

**Về tố tụng:** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Thời hạn xét xử đúng quy định.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự

**Về quan hệ pháp luật:** Hội đồng xét xử xác định quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng quy định.

**Về nội dung:** Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ căn cứ các Điều 26, 35, 39, Điều 147, 235, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị HĐXX xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

**[1] Về tố tụng:** *Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật:* Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thùy Vi V phải trả cho bà Đ số tiền gốc là 1.100.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất của ngân hàng kể từ thời điểm vi phạm lãi cho đến khi vụ án được giải quyết xong. Do vậy tranh chấp trên được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:** Giao dịch dân sự trên được ký kết vào ngày 10/7/2019. Đối tượng tranh chấp là hợp đồng vay tài sản. Căn cứ

Điều 689 tranh chấp nêu trên giữa các bên được áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

**[3] Xét nội dung tranh chấp và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

**3.1. Về yêu cầu hoàn trả số tiền nợ gốc 1.100.000.000đ**

Trong quá trình thụ lý giải quyết, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là: Giấy mượn tiền bản chính lập ngày 29/6/2019 và bản chính Giấy mượn tiền ngày 10/7/2019, 01 bản chính phiếu báo nợ từ ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh Bà Rịa, phòng Giao dịch Phú Mỹ ngày 30/9/2017, 01 bản chính giấy báo nợ ngày 29/8/2018 từ ngân hàng TMCP Bản Việt, Các bản in tin nhắn zalo từ điện thoại, một usp ghi âm về cuộc nói chuyện giữa bà Đ và bà Vy.

Các tài liệu, chứng cứ án thu thập được từ Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt: Giấy nộp tiền ngày 12/6/2019, Giấy yêu cầu chuyển tiền ngày 14/6/2018, Sao kê tài khoản từ ngày 01/5/2018-11/11/2020, Giấy đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ, Hợp đồng tín dụng ngày 14/6/2018 bản sao y thể hiện: bà Đ có vay của Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt số tiền 1.300.000.000đ và ngày 14/6/2018, bà Đ có chuyển khoản cho Công ty TNHH TM-DV xây dựng ZaZa do bà Nguyễn Thùy Vi V là Giám đốc số tiền 1.300.000.000đ.

Tại văn bản số 153/2020/LPB-VT ngày 19/11/2020 có thể hiện việc bà Nguyễn Thùy Vi V có đóng tiền lãi cho ngân hàng.

Các tài liệu, chứng cứ án thu thập được từ Ngân hàng TMCP Bản Việt : Giấy ủy nhiệm chi ngày 28/8/2018, Giấy lĩnh tiền mặt kiêm bảng kê không ghi ngày, Giấy nhận nợ này 28/8/2018; Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân ngày 28/8/2020 bản photo có đóng dấu treo của ngân hàng của ngân hàng TMCP Bản Việt và tại biên bản xác minh ngày 03/11/2020 thể hiện bà Đ có vay của Ngân hàng TMCP Bản Việt số tiền 1.500.000.000đ. Cùng ngày 28/8/2018, bà Đ có chuyển khoản cho Công ty TNHH TM-DV xây dựng ZaZa do bà Nguyễn Thùy Vi V là Giám đốc số tiền 1.000.000.000đ, bà Đ nhận tiền mặt 500.000.000đ

Đối chiếu với lời khai của bà Nguyễn Thị Đ thì những lời bà Đ trình bày đều trùng khớp với các tài liệu thu thập tại các ngân hàng.

Mặt khác bà Vy cho rằng Giấy mượn tiền lập ngày 29/6/2019 và Giấy mượn tiền ngày 10/7/2019 là do bà Đ năn nỉ bà Vi ký tên là hoàn toàn không có căn cứ, vì bà Vi V là người đã trưởng thành, là giám đốc của một công ty, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, vì thế khi ký tên, đặc biệt là giấy vay mượn tiền, thì buộc bà Vi V phải biết mình ký tên vào văn bản gì và chịu trách nhiệm với những gì mình đã ký.

Quá trình làm việc phía bị đơn và nguyên đơn đều thừa nhận có 2 bản hợp đồng. Một Hợp đồng ký ngày 06/9/2017 giá trị là 1.300.000.000đ, một hợp đồng kinh tế ngày 15/3/2018 giá trị hợp đồng là 2.700.000.000đ. Phía bị đơn có khai bà Nguyễn Thị Đ còn nợ bà Nguyễn Thùy Vi V số tiền công trình 21 dãy phòng trọ là 400.000.000đ sau khi nghiệm thu công trình.

Tuy nhiên phía bà Đ phủ nhận việc này, bà Đ cho rằng Hợp đồng đúng chính là bản hợp đồng ký ngày 06/9/2017, giá trị hợp đồng là 1.300.000.000 đồng là bản chính. Còn bản Hợp đồng kinh tế ngày 15/3/2018 chỉ ký để hợp thức hóa làm thủ tục vay ngân hàng.

Bà V có đơn yêu cầu thẩm định công trình, tuy nhiên bà V không nộp tiền chi phí thẩm định nên Tòa án không có cơ sở để thẩm định theo yêu cầu của bà V. Bà V cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với số tiền 400.000.000đ mà bà V cho rằng bà Đ còn nợ bà V nên Tòa án không xem xét.

Quá trình làm việc bà V khai bà V sống độc thân, không có chồng, Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu bà V cung cấp Giấy chứng nhận độc thân và tài liệu chứng cứ về việc bà Đ còn nợ bà V số tiền 400.000.000đ. Tuy nhiên bà V không nộp tài liệu chứng cứ gì. Đối với số tiền 400.000.000đ Hội đồng xét xử dành quyền khởi kiện cho bà V nếu bà V có đầy đủ tài liệu, chứng cứ.

Từ các tài liệu chứng cứ nêu trên đã thể hiện: Việc bà Nguyễn Thùy Vi V vay số tiền 1.100.000.000đ của bà Nguyễn Thị Đ là có thật, vì thế cần chấp nhận yêu cầu về tiền gốc số tiền 1.100.000.000đ này cho nguyên đơn

### 3.2. Về yêu cầu tiền lãi:

Về tiền lãi: Theo đơn khởi kiện ban đầu, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ không yêu cầu tiền lãi. Tuy nhiên quá trình tố tụng bà Đ có yêu cầu tiền lãi từ ngày 28 tháng 12 năm 2019 đến 26 tháng 11 năm 2020 theo mức lãi suất của ngân hàng nhà nước quy định cho đến khi vụ án được giải quyết xong, bởi vì theo bà Đ trình bày kể từ tháng 12 năm 2019, bà Nguyễn Thùy Vi V không đóng tiền lãi cho ngân hàng.

Theo các tài liệu, chứng cứ là những tin nhắn bà Đ in ra từ điện thoại và bản ghi âm có thể hiện việc bà V không đóng tiền lãi cho bà Đ từ tháng 12 năm 2020 đến nay.

Do vậy cần chấp nhận về yêu cầu tiền lãi này cho bà Đ

Mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định theo thời điểm hiện nay là 9%/ năm.

Tiền lãi từ 28/12/2019 đến ngày 26/11/2020 là 10 tháng 28 ngày:  $1.100.000.000 \times 9\% / 12 \times 10 \text{ tháng}, 28 \text{ ngày} = 90.200.000\text{đ}$

Như vậy: Tổng số tiền lãi mà bà Nguyễn Thùy Vi V phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Đ là 90.200.000đ (Chín mươi triệu hai trăm nghìn đồng). Xét yêu cầu tiền lãi này là phù hợp với quy định nên cần được chấp nhận.

### [4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thùy Vi V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền mà V phải thanh toán cho bà Đ. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 điều 26 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều, 147, 235, 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ đối với bà Nguyễn Thùy Vi V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thùy Vi V phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ gốc 1.100.000.000 (Một tỷ một trăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ 28 tháng 12 năm 2019 đến tháng 26 tháng 11 năm 2020 là 90.200.000đ (Chín mươi triệu hai trăm nghìn đồng).

Tổng cộng tiền gốc và lãi mà Nguyễn Thùy Vi V phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Đ là 1.190.200.000đ ( Một tỷ một trăm chín mươi triệu hai trăm nghìn đồng).

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chưa thi hành án và thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.*

**2. Về án phí:**

- Bà Nguyễn Thùy Vi V phải nộp 47.706.000đ (Bốn mươi bảy triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng)

- Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 22.500.000 ( Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004305 ngày 13/01/2020 tại chi Cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BR – VT;
- VKSND TX Phú Mỹ;
- Chi cục THA TX Phú Mỹ;
- Các đương sự; Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(ĐÃ KÝ)**

**VĂN THỊ HIỀN**

